

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 14/7/2025

V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Quang Thanh

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Rạng Đông

2. Bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – An Giang: Ông Trần Quốc Toàn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 68/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10/3/2025 về việc: “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/6/2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Trần Khánh V, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ B, ấp C, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là khu phố C, đặc khu P, tỉnh An Giang).

* Bị đơn: Bà Trần Thị Bé T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ B, ấp C, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là khu phố C, đặc khu P, tỉnh An Giang).

(Ông V có đơn xin xét xử vắng mặt, bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ông Trần Khánh V trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1992, ông V và bà Trần Thị Bé T tìm hiểu, yêu thương nhau và chung sống với nhau. Đến năm 2003, ông V và bà T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang (nay là đặc khu P, tỉnh An Giang). Thời gian đầu sau khi cưới, vợ chồng anh chị sống rất hòa thuận, hạnh phúc, yêu

thương nhau. Đến năm 2007, ông V và bà T thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, nảy sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được và ly thân từ năm 2007. Nay ông V không còn tình cảm với bà T nên yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với bà Trần Thị Bé T.

Về con chung: Ông V xác nhận quá trình chung sống có 02 người con chung là Trần Thị Thùy T1, sinh ngày 10/6/1993 và Trần Thiên P, sinh ngày 29/9/2000. Các con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu Toà án giải quyết

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông V cam kết không nợ ai cũng không ai nợ ông bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Trần Thị Bé T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng vắng mặt trong các lần triệu tập tại Tòa án mà không thông báo lý do. Nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, vụ án giải quyết đúng thời hạn. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự và thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng. Về thành phần Hội đồng xét xử đúng với quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Khánh V được ly hôn với Trần Thị Bé T.

Về con chung: 02 con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung: Không có, đề nghị không xem xét.

Về công nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Ông Trần Khánh V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Trần Thị Bé T có địa chỉ tại tổ B, ấp C, xã D, thành phố P (nay là khu phố C, đặc khu P, An Giang). Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 –An Giang.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Khánh V và bà Trần Thị Bé T tìm hiểu, yêu thương nhau, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang vào năm 2003, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, ông V thừa nhận trong thời gian chung sống đến năm 2007 giữa ông V và bà T phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, không còn quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên không còn chung sống từ năm 2007. Từ năm 2009, bà T bỏ đi biệt tích, ông V không còn liên lạc được. Ngày 28/08/2024, Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc ban hành quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2024/QĐST-VDS ngày 28/08/2024 về việc tuyên bố bà Trần Thị Bé T mất tích theo yêu cầu của ông Trần Khánh V.

Do đó, ông Trần Khánh V yêu cầu ly hôn với Trần Thị Bé T là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Ông Trần Khánh V xác nhận quá trình chung sống ông V và bà T có 02 người con chung là Trần Thị Thùy T1, sinh ngày 10/6/1993 và Trần Thiên P, sinh ngày 29/9/2000. Các con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Ông V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Ông V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng pháp luật:

- Căn cứ các Điều 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Khánh V được ly hôn với bà Trần Thị Bé T.

- Về con chung: 02 con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), nên không xem xét.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Ông V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3/ Về án phí: Ông Trần Khánh V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nay khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp số tiền 300.000 đồng theo

biên lai thu tạm ứng án phí số 0012478 ngày 25 tháng 02 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – An Giang). Ông V đã nộp xong án phí. Bà Trần Thị Bé T không phải chịu án phí.

Án xử công khai, báo cho ông V và bà T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 2 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 2 – An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Quang Thanh